

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**



*Thành phố Cần Thơ - Tháng 3 năm 2018*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 24

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1800271113 đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 26 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 (hai), ngày 03 tháng 07 năm 2015 chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lưu Việt Chiến	Chủ tịch
	Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
	Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
	Ông Nguyễn Phúc Như	Thành viên
	Ông Võ Văn Được	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc
	Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc
	Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

10  
G  
I  
M  
V  
I  
H  
I  
C  
M

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trần Thanh Phong**

**Giám đốc**

Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018

97  
TNI  
OAI  
TN  
IANH  
IMI  
H

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Tầng 11, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á,  
201 - 203 Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

T +84 (28) 3 832 9969

F +84 (28) 3 832 9959

E info@cpavietnam.vn

W http://cpavietnam.vn

Số: 119/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 03/03/2017 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Tiên Trinh**  
**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2018-137-1  
*Thay mặt và đại diện*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018*

**Phan Thị Xuân Diệu**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2742-2015-137-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>56.912.259.419</b>	<b>53.613.493.014</b>
(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>19.189.100.265</b>	<b>32.828.599.411</b>
1. Tiền	111		5.189.100.265	3.784.270.101
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	29.044.329.310
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>23.200.000.000</b>	<b>8.100.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		23.200.000.000	8.100.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.618.353.456</b>	<b>11.823.762.102</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.639.966.140	10.749.467.604
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		184.851.500	18.700.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.516.823.585	1.831.883.574
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(723.287.769)	(776.289.076)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>888.193.540</b>	<b>796.003.263</b>
1. Hàng tồn kho	141		888.193.540	796.003.263
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.612.158</b>	<b>65.128.238</b>
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	16.612.158	65.128.238
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.820.864.411</b>	<b>19.072.269.319</b>
(200 = 210+220+230+240+250+260)				
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.754.023.001</b>	<b>17.501.420.675</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	17.754.023.001	17.501.420.675
- Nguyên giá	222		58.955.501.649	53.360.015.847
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.201.478.648)	(35.858.595.172)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.306.414.266</b>	<b>166.797.502</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	1.306.414.266	166.797.502
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>760.427.144</b>	<b>1.404.051.142</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	760.427.144	1.404.051.142
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>76.733.123.830</b>	<b>72.685.762.333</b>
(270 = 100+200)				

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

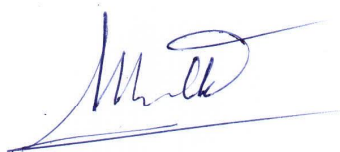
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>17.326.671.723</b>	<b>13.505.766.443</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.936.671.723</b>	<b>13.115.766.443</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	5.224.946.379	4.685.775.724
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		184.338.162	19.131.264
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.564.215.488	1.435.229.521
4. Phải trả người lao động	314		5.728.537.307	5.221.047.514
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		479.962.847	733.365.639
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.790.532.213	462.851.040
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.964.139.327	558.365.741
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>390.000.000</b>	<b>390.000.000</b>
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		390.000.000	390.000.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>59.406.452.107</b>	<b>59.179.995.890</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>59.096.354.842</b>	<b>58.822.191.345</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.443.451.436	53.443.451.436
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		53.443.451.436	53.443.451.436
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		418.930.533	157.887.934
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.233.972.873	5.220.851.975
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		5.233.972.873	5.220.851.975
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>310.097.265</b>	<b>357.804.545</b>
1. Nguồn kinh phí	431		310.097.265	357.804.545
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>76.733.123.830</b>	<b>72.685.762.333</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập



Lê Thanh Hiếu

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hiếu

Giám đốc



Trần Thanh Phong



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	73.066.730.572	72.531.902.776
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	73.066.730.572	72.531.902.776
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	55.949.903.593	55.613.776.744
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>17.116.826.979</b>	<b>16.918.126.032</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	1.742.055.308	1.409.027.968
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.17	12.217.416.204	11.507.405.150
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>6.641.466.083</b>	<b>6.819.748.850</b>
11. Thu nhập khác	31		596.563.893	583.268.710
12. Chi phí khác	32		592.391.460	732.471.927
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.18</b>	<b>4.172.433</b>	<b>(149.203.217)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.645.638.516</b>	<b>6.670.545.633</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	1.411.665.643	1.449.693.658
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>5.233.972.873</b>	<b>5.220.851.975</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	979	490

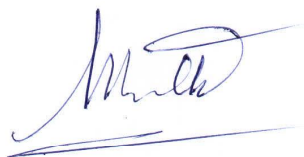
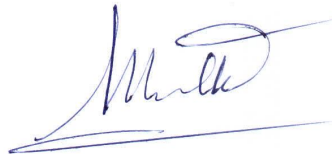
10  
IG T  
EM  
VI  
HI N  
ỐC  
MI

Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 03-DN

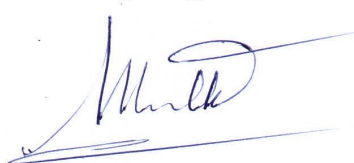
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	76.580.823.956	81.031.461.176
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(28.409.761.922)	(39.147.779.424)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(28.826.416.430)	(28.267.158.054)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.561.198.395)	(1.109.163.776)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.385.453.706	6.871.407.284
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.387.658.128)	(20.492.761.222)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>781.242.787</b>	<b>(1.113.994.016)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(258.489.521)	(1.340.053.783)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	428.181.814
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(53.144.329.310)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	38.044.329.310	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.742.055.308	1.409.027.968
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.616.434.213)</b>	<b>497.155.999</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(804.307.720)	(1.068.869.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(804.307.720)</b>	<b>(1.068.869.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(13.639.499.146)</b>	<b>(1.685.707.017)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>32.828.599.411</b>	<b>34.514.306.428</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>19.189.100.265</b>	<b>32.828.599.411</b>

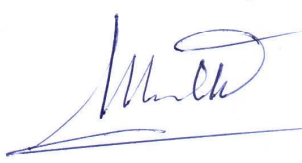
Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập



Lê Thanh Hiếu

Kế toán trưởng



Lê Thanh Hiếu

Giám đốc



Trần Thanh Phong

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1800271113 đăng ký thay đổi lần thứ nhất, ngày 26 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 (hai), ngày 03 tháng 07 năm 2015 chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ thành Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5 Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Duy tu và sửa chữa các công trình;
- Dịch vụ đô thị.

#### 1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2015 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty với công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b><u>Nhóm tài sản</u></b>	<b><u>Thời gian khấu hao (Năm)</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 13
Máy móc, thiết bị	02 - 03
Phương tiện vận tải	01 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng Cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

N: C  
C  
K  
A  
T  
P  
I  
CH

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của dịch vụ bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa ...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

10  
GT  
M  
VI  
HN  
JC  
MI

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	342.795.457	433.382.022
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.846.304.808	3.350.888.079
Tương đương tiền	14.000.000.000	29.044.329.310
<b>Tổng</b>	<b>19.189.100.265</b>	<b>32.828.599.411</b>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư.

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>23.200.000.000</b>	<b>23.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.100.000.000</b>	<b>8.100.000.000</b>	<b>-</b>
Tiền gửi có kỳ hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	23.200.000.000	23.200.000.000	-	8.100.000.000	8.100.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>23.200.000.000</b>	<b>23.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.100.000.000</b>	<b>8.100.000.000</b>	<b>-</b>

 19  
 T  
 P  
 T  
 T  
 M  
 H



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.3 Phải thu khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>12.639.966.140</b>	<b>10.749.467.604</b>
Phòng QLĐT Quận Ninh Kiều	5.357.709.765	4.632.473.885
Phòng QLĐT Quận Bình Thủy	427.251.838	2.000.751.000
Phòng QLĐT Quận Cái Răng	3.323.988.278	1.403.608.280
Các công trình và đối tượng khác	3.531.016.259	2.712.634.439
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>12.639.966.140</b>	<b>10.749.467.604</b>

**5.4 Các khoản phải thu khác***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.516.823.585</b>	-	<b>1.831.883.574</b>	-
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	611.467	-
- Tạm ứng	1.033.104.346	-	1.144.883.946	-
- Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	20.000.000	-
- Phải thu khác	453.719.239	-	666.388.161	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.516.823.585</b>	-	<b>1.831.883.574</b>	-

**5.5 Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	724.772.282	1.484.513	776.289.076	-

**5.6 Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	327.048.210	-	256.968.175	-
Công cụ, dụng cụ	33.474.151	-	59.348.636	-
Chi phí SX KDDD	527.671.179	-	479.686.452	-
<b>Tổng</b>	<b>888.193.540</b>	-	<b>796.003.263</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÓ THỊ CÀN THO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2017	3.990.401.774	1.983.406.696	47.336.497.377	49.710.000	53.360.015.847
Tăng trong năm	191.797.502	800.000.000	5.126.255.818	-	6.118.053.320
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	191.797.502	800.000.000	5.126.255.818	-	6.118.053.320
Giảm trong năm	-	-	522.567.518	-	522.567.518
Thanh lý nhượng bán	-	-	522.567.518	-	522.567.518
Số dư tại 31/12/2017	4.182.199.276	2.783.406.696	51.940.185.677	49.710.000	58.955.501.649
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2017	2.460.160.359	1.752.992.331	31.611.197.812	34.244.670	35.858.595.172
Tăng trong năm	194.594.124	278.358.809	5.354.656.252	7.732.668	5.835.341.853
Khấu hao trong năm	194.594.124	278.358.809	5.354.656.252	7.732.668	5.835.341.853
Giảm trong năm	-	-	492.458.377	-	492.458.377
Thanh lý nhượng bán	-	-	492.458.377	-	492.458.377
Số dư tại 31/12/2017	2.654.754.483	2.031.351.140	36.473.395.687	41.977.338	41.201.478.648
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2017	1.530.241.415	230.414.365	15.725.299.565	15.465.330	17.501.420.675
Tại ngày 31/12/2017	1.527.444.793	752.055.556	15.466.789.990	7.732.662	17.754.023.001

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Chi mua sắm</b>	<b>1.124.545.454</b>	-
- Mua sắm tài sản cố định	1.124.545.454	-
<b>b) Chi xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>181.868.812</b>	<b>166.797.502</b>
- Cửa hàng kinh doanh thiết bị môi trường	-	166.797.502
- Văn phòng, nhà kho tại Dạ cầu Ninh Kiều	181.868.812	-
<b>Tổng</b>	<b>1.306.414.266</b>	<b>166.797.502</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>760.427.144</b>	<b>1.404.051.142</b>
- Lợi thế kinh doanh	404.595.777	1.213.787.349
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	355.831.367	190.263.793
<b>Tổng</b>	<b>760.427.144</b>	<b>1.404.051.142</b>

**5.10 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.224.946.379</b>	<b>5.224.946.379</b>	<b>4.685.775.724</b>	<b>179.557.539.553</b>
Cửa hàng điện công nghiệp Gia Khanh	178.685.000	178.685.000	216.270.500	216.270.500
Cơ sở hoa kiếng Quốc Hùng	-	-	372.555.000	372.555.000
Công ty TNHH Xây dựng An Phú	498.024.000	498.024.000	362.292.000	362.292.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp 99	498.074.940	498.074.940	314.581.421	314.581.421
Công ty Cổ phần Xăng dầu STS Tây Nam Bộ	688.192.735	688.192.735	393.258.855	393.258.855
Trà Văn Đảo	-	-	853.854.771	853.854.771
Công ty TNHH TMDV Lê Uyên	721.249.640	721.249.640	-	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn & Xây dựng Ngô Hùng	409.098.000	409.098.000	368.398.000	368.398.000
Các đối tượng khác	2.231.622.064	2.231.622.064	1.804.565.177	176.676.329.006
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5.224.946.379</b>	<b>5.224.946.379</b>	<b>4.685.775.724</b>	<b>179.557.539.553</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2017	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát sinh giảm trong năm	31/12/2017
<b>Phải nộp</b>	<b>1.435.229.521</b>	<b>7.327.318.137</b>	<b>7.198.332.170</b>	<b>1.564.215.488</b>
Thuế GTGT	243.827.892	5.915.652.494	5.637.133.775	522.346.611
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.191.401.629	1.411.665.643	1.561.198.395	1.041.868.877
<b>Phải thu</b>	<b>65.128.238</b>	<b>2.826.070.764</b>	<b>2.874.586.844</b>	<b>16.612.158</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	2.797.889.735	2.797.889.735	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	65.128.238	28.181.029	76.697.109	16.612.158

**5.12 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.790.532.213</b>	<b>462.851.040</b>
Kinh phí công đoàn	30.907.208	24.566.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.100.000	12.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.280.951.005	16.111.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	457.574.000	410.174.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>1.790.532.213</b>	<b>462.851.040</b>

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>157.887.934</b>	<b>1.914.890.737</b>	<b>55.516.230.107</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.220.851.975</b>	<b>5.220.851.975</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	5.220.851.975	5.220.851.975
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.914.890.737</b>	<b>1.914.890.737</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.914.890.737	1.914.890.737
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>157.887.934</b>	<b>5.220.851.975</b>	<b>58.822.191.345</b>
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>157.887.934</b>	<b>5.220.851.975</b>	<b>58.822.191.345</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>-</b>	<b>261.042.599</b>	<b>5.233.972.873</b>	<b>5.495.015.472</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	5.233.972.873	5.233.972.873
Phân phối lợi nhuận	-	261.042.599	-	261.042.599
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.220.851.975</b>	<b>5.220.851.975</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.863.286.185	2.863.286.185
Chia cổ tức	-	-	2.088.340.790	2.088.340.790
Giảm khác	-	-	269.225.000	269.225.000
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>418.930.533</b>	<b>5.233.972.873</b>	<b>59.096.354.842</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	49.306.451.436	49.306.451.436
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	4.137.000.000	4.137.000.000
<b>Tổng</b>	<b>53.443.451.436</b>	<b>53.443.451.436</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	53.443.451.436	53.443.451.436
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	53.443.451.436	53.443.451.436
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.088.340.790	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.344.345	5.344.344
Cổ phiếu phổ thông	5.344.345	5.344.344
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**5.14 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
a) Doanh thu	73.066.730.572	72.531.902.776
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.066.730.572	72.531.902.776
<b>Tổng</b>	<b>73.066.730.572</b>	<b>72.531.902.776</b>

**5.15 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55.949.903.593	55.613.776.744
<b>Tổng</b>	<b>55.949.903.593</b>	<b>55.613.776.744</b>

**5.16 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.742.055.308	1.409.027.968
<b>Tổng</b>	<b>1.742.055.308</b>	<b>1.409.027.968</b>

**ÔN  
KIẾ  
A  
-CH  
P.H**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.468.656.818	4.346.651.081
Chi phí vật liệu quản lý	-	7.015.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	392.154.982	90.991.181
Chi phí khấu hao TSCĐ	297.663.466	366.299.832
Thuế phí và lệ phí	425.351.424	700.560.598
Chi phí dự phòng	(53.001.307)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.495.256.231	1.733.311.415
Chi phí bằng tiền khác	4.191.334.590	4.262.576.043
<b>Tổng</b>	<b>12.217.416.204</b>	<b>11.507.405.150</b>

**5.18 Lợi nhuận khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	48.981.768	199.903.055
Các khoản khác	547.582.125	383.365.655
<b>Tổng</b>	<b>596.563.893</b>	<b>583.268.710</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản khác	592.391.460	732.471.927
<b>Tổng</b>	<b>592.391.460</b>	<b>732.471.927</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>4.172.433</b>	<b>(149.203.217)</b>

**5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.645.638.516	6.670.545.633
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>412.689.698</i>	<i>577.922.660</i>
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>412.689.698</i>	<i>577.922.660</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>7.058.328.214</b>	<b>7.248.468.293</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>7.058.328.214</b>	<b>7.248.468.293</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.411.665.643</b>	<b>1.449.693.658</b>

01  
3 T  
M T  
VIE  
I NI  
J CH  
MIN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.233.972.873	5.220.851.975
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(2.602.243.586)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.233.972.873	2.618.608.389
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	5.344.345	5.344.345
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu(VND/cổ phiếu)</b>	<b>979</b>	<b>490</b>

Công ty không ước tính việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017 nên lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 chưa tính đến ảnh hưởng (nếu có) của việc này.

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	2.227.736.013	2.298.839.009

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

TNI  
JÁ  
TN  
ÁNI  
MH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.189.100.265	32.828.599.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.400.397.610	10.660.178.156
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.200.000.000	8.100.000.000
<b>Tổng</b>	<b>54.789.497.875</b>	<b>51.588.777.567</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.015.478.592	5.148.626.764
Chi phí phải trả	479.962.847	733.365.639
<b>Tổng</b>	<b>7.495.441.439</b>	<b>5.881.992.403</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Rủi ro về giá***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

11/01/2018  
 AN  
 H



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	7.015.478.592	-	7.015.478.592
Chi phí phải trả	479.962.847	-	479.962.847
<b>Tổng</b>	<b>7.495.441.439</b>	<b>-</b>	<b>7.495.441.439</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	5.148.626.764	-	5.148.626.764
Chi phí phải trả	733.365.639	-	733.365.639
<b>Tổng</b>	<b>5.881.992.403</b>	<b>-</b>	<b>5.881.992.403</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Tại 31/12/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.189.100.265	-	19.189.100.265
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.400.397.610	-	12.400.397.610
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.200.000.000	-	23.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>54.789.497.875</b>	<b>-</b>	<b>54.789.497.875</b>
<b>Tại 01/01/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.828.599.411	-	32.828.599.411
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.660.178.156	-	10.660.178.156
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.100.000.000	-	8.100.000.000
<b>Tổng</b>	<b>51.588.777.567</b>	<b>-</b>	<b>51.588.777.567</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần và được điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 26/09/2017.

*Thành phố Cần Thơ, ngày 26 tháng 03 năm 2018*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**



**Lê Thanh Hiếu**

**Lê Thanh Hiếu**

**Trần Thanh Phong**